

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét công văn xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Kiểm định và Môi trường Ecopark ngày 10 tháng 7 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Kiểm định và Môi trường Ecopark

Địa chỉ: Khu Thương mại và Du lịch Văn Giang, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế: 0900616049

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Kiểm định Chất lượng Xây dựng và Môi trường.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Khu Thương mại và Du lịch Văn Giang, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 604

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 24/QĐ-BXD ngày 14 tháng 1 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

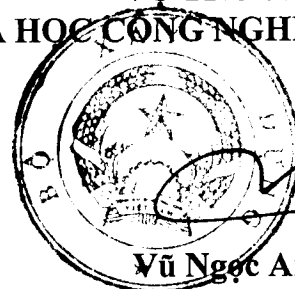
Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Kiểm Định và Môi Trường ECOPARK;
- Sở XD Hưng Yên;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 604**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số:

492/GCN-BXD, ngày 06 tháng 8 năm 2018)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA XI MĂNG	
1	Xác định Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
2	Xác định độ bền uốn và nén	TCVN 6016: 11
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017: 95
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, ĐÁ GÓC	
4	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 06
5	XĐ khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4: 06
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá góc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 06
7	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ lỗ hổng	TCVN 7572-6: 06
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 06
9	XĐ hàm lượng sét trong cốt liệu, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 06
11	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá góc	TCVN 7572-11: 06
12	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10: 06
13	XĐ độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 06
14	Xác định hàm lượng thoi dẹt của cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 06
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17: 06
16	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20: 06
17	XĐ tỷ trọng cốt liệu mịn và đất bằng sử dụng thí nghiệm cát tương đương	AASHTO T176:08
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
18	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 93
19	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 93
20	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 93
21	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 93
22	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 93
23	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114: 93
24	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 93
25	Xác định độ chống thấm bê tông	TCVN 3116: 93
26	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 93
27	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119: 93
28	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 93
29	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 3126: 93
30	Xác định độ pH	TCVN 9339: 12
31	Xác định độ co	TCVN 3117: 93
32	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111: 93
33	Xác định thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338: 12
34	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340: 13
	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
35	XĐ hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
36	XĐ hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:1988
37	XĐ độ pH	TCVN 6492:2011
38	XĐ hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
39	XĐ hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996

40	XĐ hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
	CƠ LÝ BENTONIT	
41	XĐ khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tính ổn định; Độ pH; Xác định tỷ lệ chất keo; Xác định độ dày áo sét; Xác định lực cắt tĩnh; Xác định lượng mất nước	TCVN 9395:12
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
42	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 03
43	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 03
44	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 03
45	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 03
46	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-11: 03
47	Xác định cường độ nén và uốn của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11: 03
48	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 03
49	Xác định cường độ vữa đông rắn với nền	TCVN 3121-12: 03
50	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 03
51	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
52	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:09
53	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
54	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
55	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
56	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
57	Xác định độ tróc do vôi	TCVN 6355-6:09
58	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-7:09
59	Xác định độ thoát muối	TCVN 6355-8:09
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
60	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16
61	Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:16
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)	
62	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7959:11
63	Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén Xác định độ co khô	TCVN 7959:11
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP	
64	Xác định: kích thước, khuyết tật hình dạng, cường độ nén, khối lượng thể tích khô, độ co ngót khô, độ hút nước	TCVN 9030:11
	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
65	Khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước - PP thử	TCVN 7219:02; TCVN 7527:05; TCVN 7364-6:04
66	Hoàn thiện cạnh - PP thử	TCVN 7364-5:04
67	Độ cong vênh - PP thử	TCVN 7219:02
68	Độ bền nhiệt - PP thử	TCVN 7364-4:04
69	Độ bền chịu ẩm - PP thử	TCVN 7364-4:04
70	ứng suất bề mặt - PP thử	TCVN 7455:04
71	Phá vỡ mẫu - PP thử	TCVN 7455:04
72	Độ bền va đập bi rơi - PP thử	TCVN 7368:04
73	Độ bền va đập con lắc - PP thử	TCVN 7368:04
	THỬ NGHIỆM SƠN TƯỜNG - SƠN NHỮ TƯỜNG - TÍNH NĂNG CƠ LÝ CỦA MÀNG SƠN	
74	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2012

75	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2012
76	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2012,
77	Xác định độ rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2012
78	Phương pháp thử độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2012,
79	Xác định màu sắc sơn	TCVN 2102:08
80	XD độ dính bám của màng sơn trên nền vữa xi măng - cát	TCVN 2097:93
81	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:93
82	Xác định độ mịn	TCVN 2091:08
83	Xác định độ phủ	TCVN 2095:93
84	Xác định độ thấm nước	Phụ lục A TCVN 8653:2012
85	Son và vecni - Phép thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:07
86	Son và vecni - Phép thử uốn (trục hình trụ) uốn của màng	TCVN 2099:07
87	Son và vecni - Phép thử biến dạng nhanh (độ bền va đập)	TCVN 2100:07
88	Xác định tỷ trọng của sơn	ISO 2811:97
89	Son và vecni - Xác định độ dày màng	TCVN 9760:13
THỦ CƠ LÝ VẬT LIỆU, BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N		
90	Xác định: hình dáng bên ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, hệ số háo nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, khối lượng riêng của bột khoáng chất, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường, khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58-84
91	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
92	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58-84
NHỰA BITUM		
93	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
94	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05
95	Xác định nhiệt độ hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
96	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hở	TCVN 7498:05
97	Xác định lượng tổn thất	TCVN 7499:05
98	Xác định lượng hoà tan trong Trichloethylene	TCVN 7500:05
99	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05
100	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
NHỮ TƯƠNG AXÍT		
101	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11
102	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11
103	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:11
104	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11
105	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11
106	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
107	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
108	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:11
109	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11
110	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11
111	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:11
112	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
113	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
114	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11
BÊ TÔNG NHỰA		
115	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
116	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy	TCVN 8860-2:11

	quay li tâm	
117	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
118	Xác định tỷ trọng rời lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
119	XĐ tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
120	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
121	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
122	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
123	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
124	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
125	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
126	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
127	Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
128	HL bitum và các TP hạt trong hỗn hợp BTN theo PP nhanh	TCVN 8860:11
	THỬ NGHIỆM VAI ĐỊA KỸ THUẬT	
129	Xác định chiều dày	ASTM D5199
130	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật.	TCVN 8871-1:11
131	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11
132	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:11
133	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11
134	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:11
135	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:11
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
136	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:12
137	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12
138	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông tại hiện trường	TCVN 9356:12
139	Xác định độ bám dính nền của lớp phủ mặt kết cấu	TCVN 9349:12
140	Xác định lực kéo nhỏ của bê tông	TCVN 9490:12
141	Kiểm tra KPH - xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:95
142	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
143	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:12
144	Thí nghiệm cọc bằng PP biến dạng lớn (PDA)	ASTMD4945-00
145	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12
146	Kiểm tra độ thẳng đứng và đường kính hố khoan KODEN	TCVN 9395:12
147	Đo lún công trình	TCVN 9360:12
148	Khảo sát đo đạc địa hình	TCVN 4198:87
149	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22 TCN 02-71; AASHTO T204
150	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346: 06
151	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
152	XĐ mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Belkernal	TCVN 8867:11
153	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
154	PP xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 8861:11
155	Công tác trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:12
156	Quy trình quan trắc độ nghiêng công trình bằng PP trắc địa	TCVN 9400:12
157	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
158	Thử khả năng chịu tải của cống hộp	TCVN 9116:12
159	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:12
160	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586

161	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12
162	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (VST)	TCVN 355:06
163	Đo áp lực nước lỗ rỗng Piezometer	TCVN 8869:11
164	Thí nghiệm CBR - ngoài hiện trường	TCVN 8821:11
165	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN 335:06
166	Thí nghiệm đo áp lực nền ngang trong lỗ khoan	ASTM D4179
167	Thí nghiệm xuyên cắt thuận	Report 4:95 SGF
168	Đo dịch chuyển ngang bằng inclinometer	AASHTO T254-80
169	Thí nghiệm nhỏ cọc, nén ngang, nén dọc	TCXD 82:88
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
170	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
171	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
172	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
173	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
174	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95
175	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
176	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
177	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
178	XĐ sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11
179	Thí nghiệm nén 1 trục nở hông	BS 1377:part 7:90
180	XĐ các chỉ tiêu của đất trên máy nén ba trục (UU, CU, CV)	TCVN 8868:11
181	Xác định đặc trưng tan rã của đất	14 TCN 132-2005
182	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
183	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12
184	Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất	TCVN 8731:12
185	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
186	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:12
187	Xác định thành phần và hàm lượng muối hoà tan	TCVN 8727:12
KIỂM TRA KIM LOẠI, MỐI HÀN KIM LOẠI		
188	Thử kéo	TCVN 197:02
189	Cốt thép - Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 198:08
190	Thử kéo mối hàn kim loại	JIS Z3040:95
191	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:91
192	Phương pháp kiểm tra chất lượng ống thép - Thử nén bẹp	ASTM A370:11
193	Phương pháp xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:07
194	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:87
195	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396:86
196	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4396:86
197	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - PP quan sát bên ngoài	TCVN 7570:05
THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG		
198	Xác định độ pH	TCVN 8826:11
199	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:11
200	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:11
201	Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước và ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ bê tông	TCVN 8826:11
202	Kiểm tra ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	TCVN 8826:11

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.